

ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2019

Phiếu 2.1/ĐTDN-CNHTLTTP

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ NĂM 2018

(Áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu, bao bì, phụ liệu, bán thành phẩm thuộc ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm)

1. Tên doanh nghiệp:

2. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

I. Thông tin về sản xuất của doanh nghiệp trong năm 2018

3. Doanh nghiệp hãy kể tên 5 loại sản phẩm chính do doanh nghiệp sản xuất là nguyên liệu, phụ liệu, bán thành phẩm (xếp theo thứ tự doanh thu) và tỷ trọng doanh thu của từng loại sản phẩm phân theo thị trường nội địa và xuất khẩu.

Tên sản phẩm	Mã sản phẩm (Cơ quan thống kê ghi)	Đơn vị tính	Sản lượng sản xuất	Khối lượng sử dụng nội bộ (nếu có)	Tỷ trọng doanh thu của từng sản phẩm (%)	
					Nội địa ¹	Xuất khẩu ²
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						

¹ được hiểu là bán cho các khách hàng hoạt động tại Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nằm trong khu kinh tế, khu chế xuất.

² bao gồm cả xuất khẩu trực tiếp và ủy thác xuất khẩu.

4. Hiệu suất sử dụng bình quân của các loại máy móc, thiết bị trong năm 2018 của doanh nghiệp là bao nhiêu phần trăm?%

II. Thông tin về khách hàng và nhà cung cấp của doanh nghiệp năm 2018

9. Trong năm 2018, tỷ trọng **doanh thu bán sản phẩm là nguyên liệu, phụ liệu, bán thành phẩm do doanh nghiệp sản xuất** đến từ

	Tỷ trọng trong tổng doanh thu bán nguyên liệu, phụ liệu, bán thành phẩm (%)
1) Bán tại Việt Nam ³ Trong đó: Bán cho các DN FDI	% %
2) Xuất khẩu ⁴	%

³ được hiểu là bán cho các khách hàng hoạt động tại Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nằm trong khu kinh tế, khu chế xuất.

⁴ bao gồm cả xuất khẩu trực tiếp và ủy thác xuất khẩu.

10. Nếu doanh nghiệp có xuất khẩu **nguyên liệu, phụ liệu, bán thành phẩm do doanh nghiệp sản xuất**, hãy kể tên 3 nước xuất khẩu quan trọng nhất của doanh nghiệp trong năm 2018

Tên nước	Mã nước (Cơ quan thống kê ghi)	Tỷ trọng trong tổng giá trị xuất khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bán thành phẩm (%)
1)		%
2)		%
3)		%

11. Trong năm 2018, tỷ trọng **chi phí mua nguyên liệu, bao bì, phụ liệu, bán thành phẩm để phục vụ sản xuất** của doanh nghiệp đến từ

	Tỷ trọng trong tổng chi phí mua nguyên liệu, bao bì, phụ liệu, bán thành phẩm (%)
1) Sản xuất tại Việt Nam ⁵ Trong đó: Mua từ các DN FDI	% %
2) Nhập khẩu/Xuất xứ nước ngoài ⁶	%

⁵ được hiểu là sản xuất tại Việt Nam, bao gồm cả sản phẩm sản xuất bởi các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nằm trong khu chế xuất, khu kinh tế.

⁶ bao gồm cả nhập khẩu trực tiếp, ủy thác nhập khẩu và sản phẩm được mua từ doanh nghiệp trong nước nhập khẩu rồi bán lại.

12. Nếu doanh nghiệp có nhập khẩu **nguyên liệu, bao bì, phụ liệu, bán thành phẩm để phục vụ sản xuất**, kể tên 3 nước nhập khẩu quan trọng nhất của doanh nghiệp trong năm 2018

Tên nước	Mã nước (Cơ quan thống kê ghi)	Tỷ trọng trong tổng giá trị nhập khẩu nguyên liệu, bao bì, phụ liệu, bán thành phẩm (%)
1)		%
2)		%
3)		%

13. Doanh nghiệp hãy kể tên **5 loại nguyên liệu, bao bì, phụ liệu, bán thành phẩm chính mà doanh nghiệp mua** để phục vụ sản xuất (xếp theo thứ tự chi phí mua vào) và tỷ trọng chi phí mua của từng loại trong tổng chi phí mua nguyên liệu, bao bì, phụ liệu, bán thành phẩm của doanh nghiệp trong năm 2018

Loại nguyên liệu, bao bì, phụ liệu, bán thành phẩm	Mã sản phẩm (Cơ quan thống kê ghi)	Tỷ trọng trong tổng chi phí mua nguyên liệu, bao bì, phụ liệu, bán thành phẩm (%)	Tỷ trọng chi phí mua của từng sản phẩm (%)		Tên nước nhập khẩu chính /Xuất xứ nước ngoài (nếu có)	Mã nước (Cơ quan thống kê ghi)
			Nội địa ⁷	Nhập khẩu/Xuất xứ nước ngoài ⁸		
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						

⁷ được hiểu là sản xuất tại Việt Nam, bao gồm cả sản phẩm sản xuất bởi các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nằm trong khu chế xuất, khu kinh tế.

⁸ bao gồm cả nhập khẩu trực tiếp, ủy thác nhập khẩu và sản phẩm được mua từ doanh nghiệp trong nước nhập khẩu rồi bán lại.

III. Thông tin về lao động của doanh nghiệp năm 2018

14. Thông tin về số lượng lao động thường xuyên và không thường xuyên của doanh nghiệp

Lao động	Số lao động bình quân (Người)	Số giờ làm việc bình quân ngày	Số ngày làm việc bình quân năm
1) Thường xuyên			
2) Không thường xuyên			
3) Tổng số			

15. Thông tin về lao động và tiền lương của lao động thường xuyên của doanh nghiệp

Lao động	Tổng số lao động thời điểm 31/12/2018 (Người)	Trong đó:		Tiền lương bình quân tháng 2018 (Triệu đồng)
		Lao động nữ (Người)	Lao động nước ngoài (Người)	
1) Công nhân sản xuất				
2) Lao động chuyên môn/nghiệp vụ				
3) Cán bộ quản lý				
4) Nhân viên hành chính				
5) Tổng số				

IV. Thông tin về hỗ trợ doanh nghiệp

16. Theo doanh nghiệp, những yếu tố nào dưới đây là **thế mạnh** của doanh nghiệp (**đánh dấu vào những lựa chọn phù hợp**). Trong số những thế mạnh đã lựa chọn, hãy chỉ rõ 2 thế mạnh được cho là lớn nhất đối với doanh nghiệp

Thế mạnh	Đánh dấu vào những lựa chọn phù hợp	Thế mạnh lớn nhất (tối đa 2 lựa chọn)
1) Chất lượng sản phẩm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Giá thành sản phẩm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Thời gian giao hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Trình độ chuyên môn và kỹ năng của người lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Công nghệ/Máy móc thiết bị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Khả năng tài chính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Hệ thống quản lý doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Thị trường và khách hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9) Khả năng nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10) Tầm nhìn và chiến lược sản xuất kinh doanh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11) Khả năng ứng phó với sự thay đổi môi trường kinh doanh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12) Khác (Ghi rõ:.....)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

17. Theo doanh nghiệp, những yếu tố nào dưới đây là **khó khăn, thách thức** đối với sự phát triển của doanh nghiệp (**đánh dấu vào những lựa chọn phù hợp**). Trong số những khó khăn, thách thức đã lựa chọn, hãy chỉ rõ 2 khó khăn, thách thức được cho là lớn nhất đối với doanh nghiệp

Khó khăn/Thách thức	Đánh dấu vào những lựa chọn phù hợp	Khó khăn lớn nhất (tối đa 2 lựa chọn)
1) Tiếp cận khách hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Thông tin thị trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Đáp ứng yêu cầu của khách hàng về chất lượng, giá thành, thời gian giao hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Nguồn cung cấp nguyên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng đầu vào	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Công nghệ/Máy móc thiết bị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Nguồn nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Đạt được các tiêu chuẩn theo chuẩn quốc tế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Tiếp cận tài chính/tín dụng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9) Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10) Cơ sở hạ tầng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	<input type="checkbox"/> DN Nước ngoài	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5) Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp	<input type="checkbox"/> DN Nhà nước	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN Ngoài NN	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN FDI	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN Nước ngoài	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6) Hỗ trợ cùng thiết kế và/hoặc phát triển sản phẩm với doanh nghiệp	<input type="checkbox"/> DN Nhà nước	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN Ngoài NN	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN FDI	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN Nước ngoài	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7) Hỗ trợ tiếp cận khách hàng và thị trường mới	<input type="checkbox"/> DN Nhà nước	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN Ngoài NN	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN FDI	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN Nước ngoài	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8) Hỗ trợ khác (<i>Ghi rõ.....</i>)	<input type="checkbox"/> DN Nhà nước	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN Ngoài NN	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN FDI	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	<input type="checkbox"/> DN Nước ngoài	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

20. Doanh nghiệp mong muốn nhận/tiếp tục nhận được những hỗ trợ nào dưới đây (**đánh dấu vào những lựa chọn phù hợp**). Trong số những hỗ trợ doanh nghiệp đã lựa chọn, hãy chỉ rõ 2 loại hỗ trợ doanh nghiệp mong muốn nhất

Loại hỗ trợ	Đánh dấu vào những lựa chọn phù hợp	Hỗ trợ mong muốn nhất (tối đa 2 lựa chọn)
1) Thủ tục hành chính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Mặt bằng sản xuất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Thuế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Vốn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Công nghệ, máy móc, thiết bị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Đào tạo và phát triển nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Thông tin về thị trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Tiếp cận khách hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9) Liên kết các doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10) Khác (<i>Ghi rõ:.....</i>)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Người trả lời phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Điều tra viên

- Họ và tên:.....

- Điện thoại:.....

- Ký tên:

Giám đốc Doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)